TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN KẾ SÁCH** **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **97**/2022/HNGĐ-ST
Ngày 26 tháng 9 năm 2022
V/v Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KẾ SÁCH, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Diệu

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Phạm Thanh Tâm

Ông Nguyễn Văn Ngoãn

- Thư ký phiên tòa: Bà Lý Thị Tư, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Kế Sách *tham gia phiên tòa:* Bà Bùi Mỹ Tiên-Kiểm sát viên

Ngày 26 tháng 9 năm 2022 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự về việc "Ly hôn" thụ lý số 204/2022/TLST-HNGĐ, ngày 15 tháng 6 năm 2022, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 293/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 8 năm 2022 và Quyết định Hoãn phiên tòa số 204/2022/QĐST-HNGĐ, ngày 08 tháng 9 năm 2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Nguyễn Duy T; địa chỉ: Ấp B, xã T, huyện K, tỉnh Sóc Trăng; chỗ ở hiện nay: ấp C, xã Đ, thành phố N, tỉnh Hậu Giang

Bị đơn: Nguyễn Thị H; địa chỉ: Ấp N, xã T, huyện K, tỉnh Sóc Trăng

NỘI DUNG VỤ ÁN :

Trong đơn khởi kiện ngày 16 tháng 5 năm 2022 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn anh Nguyễn Duy T trình bày: Giữa nguyên đơn với bị đơn là chị Nguyễn Thị H kết hôn với nhau trên tinh thần tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện K, tỉnh Sóc Trăng năm 2009. Vợ chồng không có con chung. Quá trình chung sống do không cùng quan điểm nên vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn cãi nhau, cuộc sống chung không còn hạnh phúc và không thể hàn gắn. Nay anh T yêu cầu ly hôn chị H; về con chung không có; về tài sản chung và nợ, anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn là chị Nguyễn Thị H, Tòa án đã tống đạt Thông báo thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng cho chị H nhưng chị H không có ý kiến trả lời, cũng không đến Tòa án để cung cấp lời khai và tham gia các phiên họp, hòa giải.

Ý kiến của Viện Kiểm sát: Kiểm sát viên tham gia phiên tòa nhận xét về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án nhìn chung đều thực hiện đúng theo các quy định của pháp luật về tố tụng dân sự; đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN :

[1] Tại phiên tòa, anh T là nguyên đơn và chị H là bị đơn đều vắng mặt, nhưng anh T đã có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, chị H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt, nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án, theo quy định tại Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự

[2] Xét về quan hệ hôn nhân: Anh T và chị H xác lập quan hệ vợ chồng có đăng ký kết hôn theo đúng quy định của pháp luật, nên hôn nhân của anh chị là hợp pháp. Trong quá trình chung sống, anh T nhận thấy vợ chồng có nhiều mâu thuẫn do không cùng quan điểm, vợ chồng thường xuyên cự cãi nhau, làm cho cuộc sống chung không còn hạnh phúc và không thể hàn gắn, nên anh T yêu cầu ly hôn chị H. Riêng về phía chị H, Tòa án đã triệu tập tham dự các phiên hòa giải chị đều vắng mặt, điều này cho thấy Tòa án đã tạo điều kiện thuận lợi để vợ chồng có cơ hội hàn gắn, đoàn tụ, nhưng chị H tỏ ra không quan tâm đến, không có thiện chí hợp tác. Tòa án đã xác minh ở chính quyền địa phương để tìm hiểu nguyên nhân mâu thuẫn của vợ chồng nhưng địa phương không nắm được. Hội đồng xét xử thấy rằng, quan hệ hôn nhân phải được xây dựng trên cơ sở tự nguyện của hai bên, nay anh T kiên quyết yêu cầu ly hôn, chị H thì không có thiện chí hợp tác để hàn gắn. Xét thấy mục đích hôn nhân của anh chị không đạt được, cuộc sống chung không thể kéo dài nên Hội đồng xét xử cần áp dụng Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh T.

[3] Về con chung: Anh T và chị H không có con chung.

[4] Về tài sản chung và nợ: Anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết, chị H không có yêu cầu phản tố, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét..

[5] Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát là có căn cứ và phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[6] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

[7] Về quyền kháng cáo của đương sự được thực hiện theo quy định tại các Điều 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH :

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 147, 228, 238, 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 51, 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án,

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn trong vụ án ly hôn và được giải quyết như sau:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Anh Nguyễn Duy T được ly hôn chị Nguyễn Thị H.

- *Về con chung:* Không có.

- *Về tài sản chung và nợ:* Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

2. Về án phí: Anh Nguyễn Duy T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn là 300.000 đồng, được khấu trừ hết vào số tiền tạm ứng án phí anh T đã nộp 300.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003867, ngày 06/6/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện K, tỉnh Sóc Trăng.

3. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014./.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- Viện Kiểm sát nhân dân huyện Kế Sách-ST;
- Chi cục THA dân sự huyện Kế Sách-ST;
- Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng (để BC);
- UBND xã T, huyện K-ST;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Diệu